

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Bà Nguyễn Thị Tươi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Công T sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện An Dương năm 2002. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, anh T mãi chơi không

quan tâm đến chị L, đã xảy ra bạo lực gia đình. Nay tình cảm không còn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có hai con là Lê Công T sinh năm 2002 và Lê Công V sinh ngày 2009. Khi ly hôn chị L nhận nuôi con Lê Công V; con Lê Công T đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Công T; giao con Lê Công V cho chị L nuôi; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh T được Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện An Dương cấp Giấy đăng ký kết hôn số 02 ngày 16/01/2002 nên hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Vậy xác định yêu cầu xin ly hôn của chị L đã thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình; cần giải quyết cho ly hôn giữa chị L và anh T.

[4] Về con chung: Các bên có con chung như chị L trình bày ở trên là đúng. Con chung Lê Công T đã trưởng thành, không bên nào yêu cầu nên không giải quyết. Con Lê Công V còn nhỏ do chị L đang nuôi; nguyện vọng được tiếp tục nuôi con của chị L bảo đảm được lợi ích toàn diện của con, phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu V. Vậy nên giao con Lê Công V cho chị L trực tiếp

nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại các điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92, 147 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Công T.

Về nuôi con chung: Giao con Lê Công V sinh 17/6/2009 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng biên lai số 0013144 ngày 04/5/2021. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
 - VKSND thành phố Hải Phòng;
 - VKSND huyện An Dương;
 - Chi cục THADS h. An Dương;
 - UBND xã Bắc Sơn, h. An Dương
- (Cơ quan cấp ĐKKH số 02 ngày 16/01/2002);
- Đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

